

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 02 - 2023

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG - TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trí Dũng

Ông Nguyễn Hữu Mùi

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Thắng - Thư ký TAND huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Kim Duyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2022/ TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-ST ngày 27 tháng 01 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 02/2022/TB-TA ngày 13 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Triệu Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc H kết hôn với nhau ngày 03/06/2003 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về ở tại Khu 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống hai vợ chồng hòa thuận đến giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nguyên nhân là do anh H chơi bời không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị L xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 10/6/2005 và Nguyễn Triệu Khánh L, sinh ngày 06/01/2020. Hiện cả 02 con

đang ở cùng Chị L. Ly hôn Chị L xin được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Quốc H trình bày: Anh và Chị L kết hôn với nhau ngày 03/06/2003 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về ở tại Khu 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào giữa năm 2020 do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay Chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn. Do công việc bận nên anh không đến Tòa án làm việc được, anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

- Về con chung: Anh và Chị L có 02 con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 10/6/2005 và Nguyễn Triệu Khánh L, sinh ngày 06/01/2020. Hiện cả 02 con đang ở cùng Chị L. Khi ly hôn anh đồng ý để Chị L nuôi cả 02 con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con vì Chị L tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.*

3. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTWQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí tòa án.

+ Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị L và anh Nguyễn Quốc H.

+ Về con chung: Giao cho Chị L tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 10/6/2005 và Nguyễn Triệu Khánh L, sinh ngày 06/01/2020. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng Chị L vì Chị L tự nguyện không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ trong vụ án này là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Triệu Thị L và bị đơn là anh Nguyễn Quốc H đều có nơi cư trú tại Khu 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án

đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo mở lại phiên tòa hợp lệ cho anh H nhưng anh H không đến Tòa án để tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Quốc H.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Triệu Thị L và anh Nguyễn Quốc H là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 03/06/2003 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã C, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về ở tại Khu 2, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Theo Chị L nguyên nhân là do anh H chơi bời không quan tâm đến gia đình. Theo anh H thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào giữa năm 2020 do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn Chị L và anh H thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc Chị L và anh H thuận tình ly hôn là phù hợp với điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy cần công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị L và anh H.

[3] Về con chung: Chị L và anh H thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 10/6/2005 và Nguyễn Triệu Khánh L, sinh ngày 06/01/2020. Hiện cả 02 con đang ở cùng Chị L. Khi ly hôn Chị L và anh H thống nhất để Chị L nuôi cả 02 con, anh H không phải cấp dưỡng vì Chị L tự nguyện không yêu cầu. Xét thấy việc tự nguyện thỏa thuận của Chị L và anh H về việc nuôi con chung và cấp dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp nên cần chấp nhận. Do vậy cần giao 02 con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 10/6/2005 và Nguyễn Triệu Khánh L, sinh ngày 06/01/2020 cho chị Triệu Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quốc H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì Chị L tự nguyện không yêu cầu. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Xét thấy việc Chị L tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp, nên cần chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị L và anh Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 10/6/2005 và Nguyễn Triệu Khánh L, sinh ngày 06/01/2020 cho chị Triệu Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì Chị L tự nguyện không yêu cầu. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Triệu Thị L phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận Chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0004293 ngày 12/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho Chị L 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án, để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đoan Hùng;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- UBND xã;
- Lưu HS + VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khanh